

Số: 141/QĐ-THPTHH4

Hoàng Vân, ngày 16 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025
Lần 2**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 4

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự tài chính chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 về việc giao quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 -2025;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-SGDĐT ngày 30/7/2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp.

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 10 năm 2025 Về việc thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 845 /QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2025 Về việc phân bổ dự toán thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện chuyển về cấp tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-SGDĐT ngày 28/11/2025 Về việc giao bổ sung dự toán kinh phí ngân sách nhà nước năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-THPTHH4 ngày 02/01/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.

Căn cứ Quyết định số 06a/QĐ-THPTHH4 ngày 29/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 lần 1.

Theo đề nghị của Hội đồng liên tịch, Hội đồng thi đua khen thưởng và Kế toán của đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi và bổ sung một số điều trong Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của Trường THPT Hiệp Hòa số 4 ban hành theo Quyết định số 13/QĐ-THPTHH4 ngày

02/01/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025, Quyết định số 06a/QĐ-THPTHH4 ngày 29/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 gồm những nội dung sau:

1. Sửa đổi Điều 6. Thanh toán tiền thừa giờ, tiền làm thêm giờ:

Khoản 1 Điều 6 “1. Thanh toán tiền lương dạy thêm giờ cho giáo viên” được sửa đổi thành:

1. Thanh toán tiền lương dạy thêm giờ cho giáo viên:

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học; Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; thực hiện theo một số văn bản hướng dẫn có liên quan khác.

2. Sửa đổi Điều 13.

Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 4 “- Đối với thành viên ban thanh tra nhân dân: Cấp bằng tiền cho giáo viên tối đa 200.000đ/người/năm học để mua VPP phục vụ công tác thanh tra gồm giấy bút, sổ ghi chép và một số văn phòng phẩm khác”.

3.Sửa đổi Điều 17. Chi tiếp khách, hội nghị.

Điểm a, khoản 1 nội dung “Định mức: Căn cứ NQ số 15/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh và các văn bản hiện hành. Cụ thể (định mức này bao gồm cả nước uống) sửa đổi thành: “Định mức: Căn cứ Nghị quyết số 172/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của HĐND tỉnh và các văn bản hiện hành. Cụ thể (định mức này bao gồm cả nước uống). Các nội dung còn lại giữ nguyên.

Khoản 2 Điều 17 sửa đổi thành: 2. Chi hội nghị : Hiện nay thực hiện theo Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Chi giải khát giữa giờ 15.000đồng/buổi (nửa ngày)/đại biểu .

4.Bãi bỏ cụm từ “ các đoàn thể Công đoàn” tại Điều 18.

5.Sửa đổi Điều 19 như sau:

Khoản 1 bãi bỏ cụm từ “Áp dụng theo quyết định 17/2022/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh”, thay thế bằng cụm từ “Áp dụng theo Nghị quyết 72/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025”. Nội dung và định mức cụ thể như sau:

STT	Nội dung	HĐ ra đề (đồng/người/ngày)	HĐ coi thi (đồng/người/ngày)	HĐ chấm thi (đồng/người/ngày)
1	Chủ tịch	420.000	385.000	385.000
2	Phó CT/Phó CT (không cách ly)	315.000	315.000	315.000
3	Thư ký	245.000	245.000	245.000

4	Ủy viên/CB coi thi/ CB chấm thi	245.000	245.000	350.000
5	Chấm bài thi Trắc nghiệm	0	0	350.000
6	Phục vụ, bảo vệ	161.000	161.000	161.000
7	Văn phòng phẩm	0	Theo thực tế	0

Khoản 2 bãi bỏ cụm từ “Thực hiện theo QĐ số 17/2022/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh”

Khoản 3 bãi bỏ cụm từ “Theo QĐ số 17/2022/QĐ-UBND, ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh”

Khoản 5, sửa đổi thành:

5. Chi hỗ trợ và trả thù lao giáo viên bồi dưỡng đội tuyển các môn văn hóa cấp tỉnh, cấp cơ sở:

- Chi hỗ trợ tiền tài liệu cho GV ôn luyện các đội tuyển:

+ Đội tuyển cấp tỉnh: 600.000đồng/đội tuyển/năm học.

+ Đội tuyển cấp cơ sở: 300.000đồng/đội tuyển/năm học.

- Chi hỗ trợ giáo viên bồi dưỡng, ôn luyện đội tuyển Giai đoạn 1:

+ Đội tuyển cấp tỉnh: 4.000.000đồng/đội tuyển.

+ Đội tuyển cấp cơ sở: 1.500.000đ/đội tuyển.

- Chi hỗ trợ GV bồi dưỡng, ôn luyện đội tuyển Giai đoạn 2: Chi theo kết quả thi (giải) đạt được:

Cấp dự thi	Giải đạt được			
	Giải Nhất (đồng/giải)	Giải Nhì (đồng/giải)	Giải Ba (đồng/giải)	Giải KK (đồng/giải)
Cấp tỉnh	5.000.000	3.500.000	2.500.000	1.700.000
Cấp cơ sở	500.000	400.000	300.000	200.000

Khoản 6, sửa đổi thành:

6. Chi hỗ trợ và trả thù lao giáo viên huấn luyện đội TDTT, hướng dẫn đội KHKT, Robocon, Tin học trẻ cấp tỉnh:

6.1. Chi hỗ trợ và trả thù lao giáo viên hướng dẫn đội thi KHKT cấp tỉnh:

- Chi hỗ trợ giáo viên hướng dẫn đội tuyển Giai đoạn 1: 4.000.000đồng/đội

- Chi hỗ trợ giáo viên hướng dẫn đội tuyển Giai đoạn 2 theo kết quả thi (giải) đạt được:

+ Giải Nhất: 5.000.000đồng/giải

+ Giải Nhì: 3.500.000đồng/giải.

+ Giải Ba: 2.500.000đồng/giải

+ Giải KK: 1.700.000đồng/giải

6.2. Chi hỗ trợ và trả thù lao giáo viên huấn luyện đội TDTT cấp tỉnh:

- Chi hỗ trợ giáo viên hướng dẫn đội tuyển Giai đoạn 1: 2.500.000đồng/đội

- Chi hỗ trợ giáo viên hướng dẫn đội tuyển Giai đoạn 2 theo kết quả thi (giải) đạt được:

+ Giải Nhất: 3.500.000đồng/giải

+ Giải Nhì: 2.500.000đồng/giải.

+ Giải Ba: 1.700.000đồng/giải

Nội dung thi đấu có từ 5 học sinh trở lên/1 đội tuyển thì định mức chi giai đoạn 2 theo giải đạt được = 1,2 lần định mức trên.

6.3. Chi hỗ trợ và trả thù lao giáo viên hướng dẫn đội Tin học trẻ, Robocon cấp tỉnh (= 50% định mức nội dung thi KHKT cấp tỉnh):

- Chi hỗ trợ giáo viên hướng dẫn đội tuyển Giai đoạn 1: 2.000.000đồng/đội
- Chi hỗ trợ giáo viên hướng dẫn đội tuyển Giai đoạn 2 theo kết quả thi (giải) đạt được:
 - + Giải Nhất: 2.500.000đồng/giải
 - + Giải Nhì: 1.750.000đồng/giải.
 - + Giải Ba: 1.250.000đồng/giải
 - + Giải KK: 850.000đồng/giải

Lưu ý: Khi đã tính hỗ trợ sẽ không tính thừa giờ và ngược lại. Thống nhất chi 1 hình thức cho cả năm học. Giáo viên phụ trách huấn luyện, hướng dẫn các đội tuyển HSG, KHKT, TDTT... vẫn phải thực hiện tối thiểu đủ số giờ theo định mức.

Thay thế cụm từ “cấp huyện tổ chức (cấp huyện)” tại Khoản 13 Điều 19 thành “cấp xã”.

Thay thế cụm từ cấp huyện tổ chức (cấp huyện)” tại Khoản 14 Điều 19 thành “cấp xã”.

Thay thế Khoản 19 Điều 19 thành:

“19. Chi thu thập, sắp xếp minh chứng hội đồng tự đánh giá, trường chuẩn QG: Theo Thông tư 56/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 hướng dẫn nội dung chi, định mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Chi in ấn và văn phòng phẩm: Theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc tiết kiệm.
- Chi tiền bồi dưỡng các thành viên Hội đồng tự đánh giá thực hiện các công việc tự đánh giá:

+ Chủ tịch HĐ: 170.000đồng/ngày.

+ Phó chủ tịch HĐ: 150.000đồng/ngày.

+ Nhóm trưởng các nhóm, Thành viên, Thư ký: 130.000đồng/ngày.

Số ngày làm việc của hội đồng theo quyết định của Thủ trưởng đơn vị.”

Bãi bỏ cụm từ “Theo Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022” tại Khoản 20 Điều 19.

Bãi bỏ Khoản 24 Điều 19.

Bãi bỏ cụm từ “áp dụng theo phần IV, mục 4, Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022” “áp dụng theo phần IV, mục 2, Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022” “áp dụng theo phần IV, mục 5, Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022” tại Khoản 30 Điều 19.

6. Thay thế Khoản 2 Điều 20 thành:

2. Định mức:

Hiện nay đang thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư 06/2023/TT-BTC

ngày 31/01/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Quy định mức chi dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Trường THPT Hiệp Hòa số 4 áp dụng mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) như sau:

STT	Nội dung	Số tiền tối đa (đồng/buổi)
1	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư tỉnh ủy và các chức danh tương đương.	1.500.000
2	Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Bí thư tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; giảng viên cao cấp và tương đương; Tiến sỹ khoa học.	1.200.000
3	Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giảng viên chính và tương đương; Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính.	1.000.000
4	Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên).	800.000
5	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp Xã và tương đương trở xuống.	500.000

(01 uổi bằng 3 tiết giảng)

7. Sửa đổi Điều 22. Các khoản thu trong nhà trường:

Căn cứ Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 10/10/2025 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; mức học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập; danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm học 2025 – 2026. Căn cứ Công văn số 06/HD-SGDĐT ngày 15/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 10/10/2025 của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ Thông báo số 49/TB-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả thẩm định các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của Trường THPT Hiệp Hòa số 4 năm học 2025-2026.

Bãi bỏ Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 8 Điều 22 và thay thế bằng nội dung sau:

1. Học phí: Thực hiện Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội thông qua ngày 26/6/2025 và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, từ năm học 2025-2026 trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được miễn học phí. Do đó, các cơ sở giáo dục công lập không thu học phí từ trẻ em mầm non, học sinh phổ thông.

2. Về hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Nội dung chi:

- + Nộp thuế TNDN: 2% tổng kinh phí được cấp
- + Chi hoạt động chuyên môn, chi khác: 60% tổng kinh phí được cấp.
- + Chi mua sắm, sửa chữa: 38% tổng kinh phí được cấp

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi đơn vị sử dụng trích lập các quỹ theo tỷ lệ tối thiểu 10% số chênh lệch trích quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp, số còn lại của chênh lệch thu chi trích quỹ Phúc lợi, quỹ khen thưởng.

3. Tuyển sinh vào lớp 10: Nội dung thu, chi: Theo phương án giá từng năm của đơn vị và theo văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Tiền trông giữ xe:

Mức thu: Thông báo số 49/TB-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả thẩm định các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của Trường THPT Hiệp Hòa số 4 năm học 2025-2026. Cụ thể như sau:

- + Đối với xe đạp, xe đạp điện: 15.000đồng/HS/tháng
 - + Đối với xe máy, xe máy điện: 40.000đồng/HS/tháng
- Số lượng thu theo danh sách đăng ký gửi xe của học sinh.

- Nội dung chi:

- + Chi nộp thuế TNDN: 2% tổng thu
- + Chi nộp thuế GTGT: 5% tổng thu.
- + Chi lương hợp đồng trông giữ xe theo hợp đồng thỏa thuận.
- + Chi nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động hợp đồng trông giữ xe.
- + Chi mua công cụ dụng cụ phục vụ cho việc trông xe, sửa chữa cải tạo, làm mới nhà để xe theo thực tế.

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi đơn vị sử dụng như sau:

Trích 40% (của số chênh lệch thu chi) chi cải cách tiền lương, dùng để chi lương cho CBGV-NV.

Trích tối thiểu 10% số chênh lệch thu chi (sau khi đã trừ 40% chi cải cách tiền lương) trích quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp.

Số còn lại cuối cùng trích quỹ Phúc lợi

5. Tổ chức thi khảo sát, thi đánh giá năng lực, thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi:

- Mức thu: Thông báo số 49/TB-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả thẩm định các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của Trường THPT Hiệp Hòa số 4 năm học 2025-2026. Cụ thể như sau:

+ Thi, kiểm tra tự luận: 20.000đồng/HS/môn thi/lần thi.

+ Thi, kiểm tra trắc nghiệm: 15.000đồng/HS/môn thi/lần thi.

+ Thi, kiểm tra kết hợp tự luận và trắc nghiệm: 20.000đồng/HS/môn thi/lần thi.

- Tổng số tiền thu được thực hiện nghĩa vụ thuế và chi theo nội dung đã được Sở Giáo dục- Đào tạo đã phê duyệt. Quỹ này được thu theo lần tổ chức thi và tổ chức không quá 4 lần/năm học, đảm bảo thu đủ chi. Định mức chi theo các nội dung chi của văn bản hướng dẫn hiện hành:

6. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục: Thực hiện theo văn bản hướng dẫn hiện hành.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 24:

Sửa đổi Điểm 3, Mục b, Khoản 3, Điều 24 như sau: Chi hỗ trợ CBGV-NV ngày Tết Nguyên đán tối đa 5.000.000đồng/người/đợt.

Bổ sung Điểm 12, Mục b, Khoản 3 Điều 24 như sau: Chi quà Tết Thiếu nhi, Tết Trung thu cho toàn bộ CBGV-NV trong đơn vị: 100.000đồng/người/đợt.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ ngày 25/11/2025, áp dụng đến khi có văn bản mới thay thế.

Ngoài các định mức đã được xây dựng ở trên, nếu phát sinh các nội dung chi đơn vị thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành và Thủ trưởng đơn vị có thể quyết định nội dung chi, mức chi.

Quy chế này được bàn bạc công khai và thông qua toàn bộ CBGV-NV cơ quan với 100% các thành viên nhất trí.

Điều 3. Tổ trưởng các Tổ chuyên môn, Tổ trưởng tổ Văn phòng, cán bộ giáo viên, nhân viên thuộc trường THPT Hiệp Hòa số 4 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN (để kiểm soát);
- Lưu: VT, KT.

